TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 16-Phòng Kiểm soát nội bộ và Bảo vệ

Tháng 2 năm 2021

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương phép		Lương 100%		Lương khác		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	Truy thu BHXH	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ	Thuế TNCN			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**83**			**51.433.000**			**25**	**10.265.002**				**626.000**	**0,37**	**1.213.810**	**63.537.812**	**4.417.700**	**828.600**	**552.500**		**577.400**	**275.000**				**3.159.120**	**9.810.320**	**53.727.492**	
1	HL-06228	Phạm Hải Hưng	Trưởng phòng	11.446.000	13	A		11.100.750			5	2.201.154				328.000			13.629.904	942.000	176.700	117.800		123.900	55.000				541.010	1.956.410	11.673.494	
2	HL-00082	Nguyễn Đắc Hiếu	Phó phòng	10.483.000	16	A		9.937.000			5	2.015.962					0,30	480.000	12.432.962	877.100	164.500	109.700		112.800	55.000					1.319.100	11.113.862	
3	HL-00068	Hà Trung Kiên	Phó phòng	10.483.000	19	A		10.521.250			5	2.015.962							12.537.212	838.700	157.300	104.900		114.400	55.000					1.270.300	11.266.912	
4	HL-01396	Nguyễn Kim Cương	Phó phòng	10.483.000	16	A		9.937.000			5	2.015.962				298.000	0,07	733.810	12.984.772	921.200	172.800	115.200		117.800	55.000				1.656.678	3.038.678	9.946.094	
5	HL-02807	Phạm Minh Tuấn	Phó phòng	10.483.000	19	A		9.937.000			5	2.015.962							11.952.962	838.700	157.300	104.900		108.500	55.000				961.432	2.225.832	9.727.130	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**61**			**26.980.000**	**2**	**431.462**	**20**	**4.446.924**	**2**	**900.000**	**51.605**				**32.809.991**	**1.850.200**	**347.100**	**231.300**		**303.800**	**220.000**					**2.952.400**	**29.857.591**	
6	HL-00971	Vũ Minh Phương	Chuyên viên	6.818.000	15	A		6.422.000			5	1.311.154							7.733.154	545.500	102.300	68.200		70.200	55.000					841.200	6.891.954	
7	HL-00153	Đỗ Mạnh Tưởng	Chuyên viên	5.609.000	16	A		7.714.000			5	1.078.654							8.792.654	448.800	84.200	56.100		82.000	55.000					726.100	8.066.554	
8	HL-00934	Đỗ Phương Anh	Chuyên viên	5.609.000	14	A		5.779.800	2	431.462	5	1.078.654	2	900.000	51.605				8.241.521	448.800	84.200	56.100		76.500	55.000					720.600	7.520.921	
9	HL-06190	Trần Nhật Nam	Chuyên viên	5.088.000	16	A		7.064.200			5	978.462							8.042.662	407.100	76.400	50.900		75.100	55.000					664.500	7.378.162	
3	**20**	**Tổ bảo vệ**			**247**		**52.206**	**52.206.043**			**65**	**13.888.075**				**149.000**			**66.243.118**	**5.789.800**	**1.086.000**	**724.500**		**586.500**	**715.000**		**646.200**			**9.548.000**	**56.695.118**	
10	HL-01994	Nguyễn Văn Việt	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	3.630	3.630.003			5	1.017.500							4.647.503	423.300	79.400	53.000		40.900	55.000					651.600	3.995.903	
11	HL-00279	Cao Văn Trường	Tổ trưởng cơ động	5.978.000	19	A	3.465	3.465.003			5	1.149.615				149.000			4.763.618	490.200	92.000	61.300		41.200	55.000					739.700	4.023.918	
12	HL-00152	Nguyễn Đức Thuận	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	3.960	3.960.003			5	1.017.500							4.977.503	423.300	79.400	53.000		44.200	55.000					654.900	4.322.603	
13	HL-02978	Vũ Văn Mạnh	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	19	A	3.630	3.630.003			5	1.017.500							4.647.503	423.300	79.400	53.000		40.900	55.000					651.600	3.995.903	
14	HL-02922	Đặng Tuấn Anh	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	3.630	3.630.003			5	1.017.500							4.647.503	423.300	79.400	53.000		40.900	55.000					651.600	3.995.903	
15	HL-01011	Nguyễn Văn Lẽ	NV bảo vệ	5.978.000	19	A	3.630	3.630.003			5	1.149.615							4.779.618	478.300	89.700	59.800		41.500	55.000					724.300	4.055.318	
16	HL-03114	Đỗ Văn Đăng	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	3.465	3.465.003			5	1.017.500							4.482.503	423.300	79.400	53.000		39.300	55.000		293.100			943.100	3.539.403	
17	HL-02826	Đinh Vĩnh Thành	Bảo vệ cơ động	5.978.000	19	A	3.465	3.465.003			5	1.149.615							4.614.618	478.300	89.700	59.800		39.900	55.000					722.700	3.891.918	
18	HL-00161	Đỗ Trọng Huấn	Tổ trưởng cơ động	5.291.000	19	A	6.435	6.435.005			5	1.017.500							7.452.505	423.300	79.400	53.000		69.000	55.000					679.700	6.772.805	
19	HL-00069	Vũ Tuấn Linh	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	3.960	3.960.003			5	1.017.500							4.977.503	423.300	79.400	53.000		44.200	55.000					654.900	4.322.603	
20	HL-00159	Cao Văn Khải	NV bảo vệ	5.978.000	19	A	3.465	3.465.003			5	1.149.615							4.614.618	478.300	89.700	59.800		39.900	55.000					722.700	3.891.918	
21	HL-00158	Bùi Văn Vượng	Đội phó bảo vệ	5.978.000	19	A	5.016	5.016.004			5	1.149.615							6.165.619	478.300	89.700	59.800		55.400	55.000					738.200	5.427.419	
22	HL-00133	Nguyễn Viết Ân	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	4.455	4.455.004			5	1.017.500							5.472.504	423.300	79.400	53.000		49.200	55.000		353.100			1.013.000	4.459.504	
4	**21**	**Tổ bảo vệ KV Khe Sim - Chung cư HR**			**203**		**88.887**	**88.887.071**			**60**	**12.428.076**				**149.000**			**101.464.147**	**4.704.100**	**882.400**	**588.800**	**79.365**	**918.200**	**660.000**		**613.000**	**78.000**	**865.579**	**9.389.444**	**92.074.703**	
23	HL-02141	Bùi Trọng Sơn	Đội trưởng bảo vệ	5.978.000		A					5	1.149.615							1.149.615					11.500	55.000					66.500	1.083.115	
24	HL-06523	Dương Đình Thảo	NV bảo vệ	4.810.000	4	A	2.991	2.991.002											2.991.002					24.900						24.900	2.966.102	
25	HL-01875	Bùi Văn Huy	NV bảo vệ	5.978.000	4	A	2.181	2.181.002											2.181.002					15.500						15.500	2.165.502	
26	HL-00972	Vũ Viết Trung Dũng	NV bảo vệ	4.810.000	4	A	2.535	2.535.002											2.535.002					20.300						20.300	2.514.702	
27	HL-00932	Đinh Trung Kiên	NV bảo vệ	5.291.000	4	A	2.181	2.181.002											2.181.002					16.300						16.300	2.164.702	
28	HL-00908	Đinh Bá Thi	NV bảo vệ	6.184.000	4	A	2.903	2.903.002											2.903.002					22.400						22.400	2.880.602	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương phép		Lương 100%		Lương khác		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	Truy thu BHXH	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ	Thuế TNCN			
29	HL-00446	Vũ Văn Tới	NV bảo vệ	5.291.000	4	A	2.535	2.535.002											2.535.002					19.800						19.800	2.515.202	
30	HL-01789	Nguyễn Văn Hà	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	4.656	4.656.004			5	1.017.500							5.673.504	423.300	79.400	53.000		51.200	55.000					661.900	5.011.604	
31	HL-02362	Đặng Hữu Quân	NV bảo vệ	5.291.000	15	A	8.524	8.524.007			5	1.017.500							9.541.507	423.300	79.400	53.000		89.900	55.000					700.600	8.840.907	
32	HL-02115	Nguyễn Văn Tung	Tổ trưởng cơ động	4.982.000	15	A	10.539	10.539.008			5	958.077							11.497.085	398.600	74.800	49.900		109.700	55.000				386.452	1.074.452	10.422.633	
33	HL-02093	Nguyễn Trung Năm	NV bảo vệ	5.978.000	15	A	8.524	8.524.007			5	1.149.615							9.673.622	478.300	89.700	59.800		90.500	55.000					773.300	8.900.322	
34	HL-01792	Nguyễn Viết Ninh	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	4.656	4.656.004			5	1.017.500							5.673.504	423.300	79.400	53.000	79.365	50.400	55.000					740.465	4.933.039	
35	HL-01481	Đỗ Văn Cương	NV bảo vệ	5.978.000	15	A	8.524	8.524.007			5	1.149.615							9.673.622	478.300	89.700	59.800		90.500	55.000					773.300	8.900.322	
36	HL-02135	Triệu Tiến Thắng	NV bảo vệ	5.291.000	15	A	8.524	8.524.007			5	1.017.500							9.541.507	423.300	79.400	53.000		89.900	55.000				479.127	1.179.727	8.361.780	
37	HL-02237	Vũ Công Phê	NV bảo vệ	4.982.000	19	A	5.151	5.151.004			5	958.077							6.109.081	398.600	74.800	49.900		55.900	55.000		298.000			932.200	5.176.881	
38	HL-00719	Trịnh Trọng Thủy	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	5.151	5.151.004			5	1.017.500							6.168.504	423.300	79.400	53.000		56.100	55.000					666.800	5.501.704	
39	HL-01480	Phạm Trung Kiên	NV bảo vệ	5.291.000	9	A	4.161	4.161.003			5	1.017.500							5.178.503	423.300	79.400	53.000		46.200	55.000			78.000		734.900	4.443.603	
40	HL-02335	Trần Văn Diên	Bảo vệ cơ động	4.982.000	19	A	5.151	5.151.004			5	958.077				149.000			6.258.081	410.500	77.000	51.400		57.200	55.000		315.000			966.100	5.291.981	
5	**22**	**Tổ kho tạm +25 Khe Chàm**			**61**		**30.228**	**30.228.022**			**20**	**3.977.500**							**34.205.522**	**1.654.800**	**310.400**	**207.200**		**320.300**	**220.000**				**415.806**	**3.128.506**	**31.077.016**	
41	HL-01912	Phạm Quang Tuyến	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	9.450	9.450.007			5	1.017.500							10.467.507	423.300	79.400	53.000		99.100	55.000					709.800	9.757.707	
42	HL-06523	Dương Đình Thảo	Đội trưởng cơ động	4.810.000	15	A	9.438	9.438.007			5	925.000							10.363.007	384.900	72.200	48.200		98.600	55.000					658.900	9.704.107	
43	HL-03313	Ngô Văn Hoàng	NV bảo vệ	5.291.000	8	A	1.890	1.890.001			5	1.017.500							2.907.501	423.300	79.400	53.000		23.500	55.000				415.806	1.050.006	1.857.495	
44	HL-02139	Bùi Đức Huấn	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	9.450	9.450.007			5	1.017.500							10.467.507	423.300	79.400	53.000		99.100	55.000					709.800	9.757.707	
6	**23**	**Tổ bảo vệ KV Khe Chàm**			**467**		**149.952**	**149.952.117**			**130**	**27.644.035**				**358.000**			**177.954.152**	**11.051.500**	**2.072.900**	**1.382.900**		**1.634.300**	**1.430.000**	**858.000**	**301.000**		**351.540**	**19.082.140**	**158.872.012**	
45	HL-00484	Nguyễn Trung Phương	NV bảo vệ	5.978.000		A					5	1.149.615							1.149.615					11.500	55.000					66.500	1.083.115	
46	HL-02046	Nguyễn Hồng Quân	NV bảo vệ	5.978.000	19	A	5.558	5.558.004			5	1.149.615							6.707.619	478.300	89.700	59.800		60.800	55.000					743.600	5.964.019	
47	HL-03641	Nguyễn Hải Đăng	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	6.042	6.042.005			5	1.017.500							7.059.505	423.300	79.400	53.000		65.000	55.000					675.700	6.383.805	
48	HL-02804	Lê Khắc Đạo	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	5.558	5.558.004			5	1.017.500							6.575.504	423.300	79.400	53.000		60.200	55.000					670.900	5.904.604	
49	HL-01527	Hoàng Văn Thanh	NV bảo vệ	5.978.000	19	A	6.276	6.276.005			5	1.149.615							7.425.620	478.300	89.700	59.800		68.000	55.000	200.200				951.000	6.474.620	
50	HL-00800	Hà Văn Huy	Đội phó bảo vệ	5.978.000	19	A	5.959	5.959.005			5	1.149.615				179.000			7.287.620	492.600	92.400	61.600		66.400	55.000		301.000			1.069.000	6.218.620	
51	HL-00221	Nguyễn Quốc Cường	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	5.781	5.781.005			5	1.017.500							6.798.505	423.300	79.400	53.000		62.400	55.000	85.800				758.900	6.039.605	
52	HL-00071	Nguyễn Văn Nam	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	5.286	5.286.004			5	1.017.500							6.303.504	423.300	79.400	53.000		57.500	55.000	28.600				696.800	5.606.704	
53	HL-06960	Đoàn Tuấn Anh	NV bảo vệ	4.810.000	19	A	6.229	6.229.004			5	925.000							7.154.004	384.900	72.200	48.200		66.500	55.000					626.800	6.527.204	
54	HL-04215	Nguyễn Mạnh Trường	Tổ trưởng bảo vệ	4.982.000	19	A	5.781	5.781.005			5	958.077							6.739.082	398.600	74.800	49.900		62.200	55.000	143.000				783.500	5.955.582	
55	HL-04209	Nguyễn Văn Thắng	NV bảo vệ	4.982.000	19	A	4.296	4.296.003			5	958.077							5.254.080	398.600	74.800	49.900		47.300	55.000					625.600	4.628.480	
56	HL-02008	Đào Ngọc Thịnh	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	8.256	8.256.007			5	1.017.500							9.273.507	423.300	79.400	53.000		87.200	55.000	400.400				1.098.300	8.175.207	
57	HL-01875	Bùi Văn Huy	NV bảo vệ	5.978.000	15	A	6.771	6.771.005			5	1.149.615							7.920.620	478.300	89.700	59.800		72.900	55.000					755.700	7.164.920	
58	HL-02152	Đào Văn Bình	Tổ trưởng bảo vệ	5.978.000	19	A	5.558	5.558.004			5	1.149.615							6.707.619	478.300	89.700	59.800		60.800	55.000					743.600	5.964.019	
59	HL-02892	Nguyễn Văn Hải	NV bảo vệ	5.978.000	19	A	6.042	6.042.005			5	1.149.615							7.191.620	478.300	89.700	59.800		65.600	55.000					748.400	6.443.220	
60	HL-01856	Đoàn Nguyên Thứ	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	6.286	6.286.005			5	1.017.500							7.303.505	423.300	79.400	53.000		67.500	55.000					678.200	6.625.305	
61	HL-02038	Phạm Văn Dũng	Đội trưởng bảo vệ	6.184.000	19	A	6.447	6.447.005			5	1.189.231							7.636.236	494.800	92.800	61.900		69.900	55.000					774.400	6.861.836	
62	HL-02943	Vũ Tuấn Khanh	NV bảo vệ	5.978.000	19	A	6.229	6.229.005			5	1.149.615							7.378.620	478.300	89.700	59.800		67.500	55.000				351.540	1.101.840	6.276.780	
63	HL-02884	Nguyễn Văn Thuội	Bảo vệ cơ động	5.978.000	19	A	6.573	6.573.005			5	1.149.615							7.722.620	478.300	89.700	59.800		70.900	55.000					753.700	6.968.920	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương phép		Lương 100%		Lương khác		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	Truy thu BHXH	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ	Thuế TNCN			
64	HL-02827	Nguyễn Hoàng Đồng	Bảo vệ cơ động	5.978.000	19	A	6.062	6.062.005			5	1.149.615							7.211.620	478.300	89.700	59.800		65.800	55.000					748.600	6.463.020	
65	HL-02805	Vũ Nhiên Tản	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	6.062	6.062.005			5	1.017.500							7.079.505	423.300	79.400	53.000		65.200	55.000					675.900	6.403.605	
66	HL-00446	Vũ Văn Tới	NV bảo vệ	5.291.000	15	A	5.688	5.688.004			5	1.017.500							6.705.504	423.300	79.400	53.000		61.500	55.000					672.200	6.033.304	
67	HL-00154	Vũ Ngọc Vần	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	19	A	6.573	6.573.005			5	1.017.500							7.590.505	423.300	79.400	53.000		70.300	55.000					681.000	6.909.505	
68	HL-04278	Hoàng Xuân Bá	Đội phó bảo vệ	5.291.000	19	A	5.959	5.959.005			5	1.017.500				179.000			7.155.505	437.700	82.100	54.800		65.800	55.000					695.400	6.460.105	
69	HL-00718	Nguyễn Tuấn Khải	NV bảo vệ	4.810.000	19	A	5.340	5.340.004			5	925.000							6.265.004	384.900	72.200	48.200		57.600	55.000					617.900	5.647.104	
70	HL-02828	Tạ Văn Hồng	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	5.340	5.340.004			5	1.017.500							6.357.504	423.300	79.400	53.000		58.000	55.000					668.700	5.688.804	
7	**24**	**Tổ bảo vệ KV Tân Lập**			**335**		**100.188**	**100.188.080**	**7**	**1.609.461**	**100**	**20.878.461**				**522.000**			**123.198.002**	**8.727.900**	**1.637.100**	**1.092.400**		**1.117.300**	**1.100.000**	**543.400**	**899.000**		**411.931**	**15.529.031**	**107.668.971**	
71	HL-00932	Đinh Trung Kiên	NV bảo vệ	5.291.000	15	A	5.031	5.031.004			5	1.017.500							6.048.504	423.300	79.400	53.000		54.900	55.000					665.600	5.382.904	
72	HL-00240	Nguyễn Văn Quyết	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	7	A	3.402	3.402.003			5	1.017.500							4.419.503	423.300	79.400	53.000		38.600	55.000	228.800	297.000			1.175.100	3.244.403	
73	HL-00073	Khổng Thanh Sơn	Đội trưởng bảo vệ	6.184.000	19	A	7.844	7.844.006			5	1.189.231				224.000			9.257.237	512.700	96.200	64.100		85.800	55.000					813.800	8.443.437	
74	HL-02238	Nguyễn Hữu Tú	NV bảo vệ	4.982.000	19	A	3.465	3.465.003			5	958.077				149.000			4.572.080	410.500	77.000	51.400		40.300	55.000					634.200	3.937.880	
75	HL-02417	Lý Văn Lâm	NV bảo vệ	4.982.000	19	A	7.438	7.438.006			5	958.077							8.396.083	398.600	74.800	49.900		78.700	55.000					657.000	7.739.083	
76	HL-02030	Nguyễn Văn Dân	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	3.465	3.465.003			5	1.017.500							4.482.503	423.300	79.400	53.000		39.300	55.000					650.000	3.832.503	
77	HL-02099	Nguyễn Công Thành	Đội trưởng bảo vệ	5.978.000	11	A	9.212	9.212.007	3	689.769	5	1.149.615							11.051.391	478.300	89.700	59.800		104.200	55.000					787.000	10.264.391	
78	HL-00908	Đinh Bá Thi	Đội phó bảo vệ	6.184.000	15	A	4.976	4.976.004			5	1.189.231				149.000			6.314.235	506.700	95.000	63.400		56.500	55.000					776.600	5.537.635	
79	HL-03934	Trần Huy Toàn	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	3.465	3.465.003			5	1.017.500							4.482.503	423.300	79.400	53.000		39.300	55.000					650.000	3.832.503	
80	HL-02336	Bùi Công Phóng	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	5.422	5.422.004			5	1.017.500							6.439.504	423.300	79.400	53.000		58.800	55.000					669.500	5.770.004	
81	HL-01838	Dương Văn Chín	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	4.536	4.536.004			5	1.017.500							5.553.504	423.300	79.400	53.000		50.000	55.000					660.700	4.892.804	
82	HL-01814	Nguyễn Minh Đức	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	4.536	4.536.004			5	1.017.500							5.553.504	423.300	79.400	53.000		50.000	55.000					660.700	4.892.804	
83	HL-00972	Vũ Viết Trung Dũng	NV bảo vệ	4.810.000	15	A	2.835	2.835.002			5	925.000							3.760.002	384.900	72.200	48.200		32.500	55.000		301.000			893.800	2.866.202	
84	HL-03004	Nguyễn Hồng Cường	NV bảo vệ	5.291.000	15	A	2.835	2.835.002			5	1.017.500							3.852.502	423.300	79.400	53.000		33.000	55.000					643.700	3.208.802	
85	HL-03938	Phạm Văn Giáp	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	19	A	5.445	5.445.004			5	1.017.500							6.462.504	423.300	79.400	53.000		59.100	55.000	85.800				755.600	5.706.904	
86	HL-03802	Vũ Văn Hùng	Tổ trưởng cơ động	5.291.000	19	A	6.094	6.094.005			5	1.017.500							7.111.505	423.300	79.400	53.000		65.600	55.000				411.931	1.088.231	6.023.274	
87	HL-03113	Nguyễn Văn Nhiễu	NV bảo vệ	5.978.000	19	A	5.103	5.103.004			5	1.149.615							6.252.619	478.300	89.700	59.800		56.200	55.000		301.000			1.040.000	5.212.619	
88	HL-00070	Nguyễn Gia Chính	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	19	A	5.103	5.103.004			5	1.017.500							6.120.504	423.300	79.400	53.000		55.600	55.000					666.300	5.454.204	
89	HL-03808	Trịnh Văn Minh	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	19	A	5.445	5.445.004			5	1.017.500							6.462.504	423.300	79.400	53.000		59.100	55.000	85.800				755.600	5.706.904	
90	HL-03956	Nguyễn Hữu Tiến	Bảo vệ cơ động	5.978.000	10	A	4.536	4.536.004	4	919.692	5	1.149.615							6.605.311	478.300	89.700	59.800		59.800	55.000	143.000				885.600	5.719.711	
Tổng cộng					**1.457**		**421.461**	**499.874.333**	**9**	**2.040.923**	**420**	**93.528.073**	**2**	**900.000**	**51.605**	**1.804.000**	**0,37**	**1.213.810**	**599.412.744**	**38.196.000**	**7.164.500**	**4.779.600**	**79.365**	**5.457.800**	**4.620.000**	**1.401.400**	**2.459.200**	**78.000**	**5.203.976**	**69.439.841**	**529.972.903**	

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

LẬP BIỂU	PHÒNG TCNS	KẾ TOÁN TRƯỞNG	Q.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	Nguyễn Văn Thỏa	Đặng Thanh Lam	Phạm Văn Hùng